TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-PT
Ngày: 12- 4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: Ông La Minh Tường;

Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Việt Phương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 02 H, phường C, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Agribank Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sông Hương Thừa Thiên Huế - Phòng giao dịch T (theo Giấy ủy quyền số 05/2017/QĐ-PC ngày 05/01/2017). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị PC, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: 97 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Văn D, sinh năm 1971; Có mặt

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1930; Vắng mặt

- Anh Cao Nguyễn Hữu T, sinh năm 1999.

Đều trú tại: 97 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2014, Bà Nguyễn Thị PC ký Hợp đồng tín dụng số 4010.LAV.2014.00959/HĐTD vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tại Chi nhánh Bắc sông Hương Thừa Thiên Huế - Phòng giao dịch T số tiền 1.100.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay mua bán áo quần lưu động; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, phương pháp trả lãi tiền vay định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay thỏa thuận; thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 20/10/2014; hình thức có bảo đảm.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân tiền vay theo hai Giấy nhận nợ ngày 20/10/2014 số tiền là 1.100.000.000 đồng.

Để bảo đảm khoản vay, ngày 17/10/2014 giữa Ngân hàng với Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 159/14 HĐTC-TL với nội dung: Thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 8, diện tích 70,7m^2 tại địa chỉ số 97 N, phường X, thành phố Hđã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 828378 ngày 19/4/2007 mang tên Nguyễn Thị PC, Cao Văn D; phần giá trị tăng thêm do đầu tư, nâng cấp tài sản được hình thành trước hoặc sau khi thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 17/10/2014, đăng ký giao dịch ngày 20/10/2014 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H(nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H).

Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bên vay để thu hồi nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ thêm 12 tháng đến ngày 20/10/2016 nhưng bên vay không trả nợ, không tự bán tài sản để trả nợ và cũng không chịu bàn giao tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ, do vậy, Ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ ngày 21/10/2016 và khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bên vay phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 1.343.833.333 đồng; trong đó: nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/12/2016 là 243.833.333 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 01/01/2017.

- Xác nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị PC thừa nhận việc vay vốn và thế chấp tài sản đúng như ngân hàng đã trình bày. Bà PC thừa nhận số tiền nợ nhưng do việc làm ăn khó

khăn, thua lỗ nên không thanh toán được. Đề nghị tạo điều kiện thêm thời gian để bán tài sản thế chấp trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ông Cao Văn D thừa nhận ông với Bà PC là vợ chồng; ông có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm khoản vay đúng như Ngân hàng trình bày. Đề nghị tạo điều kiện thêm thời gian để bán tài sản thế chấp thanh toán nợ.

Theo Bà Lê Thị C trình bày:

Bà là mẹ đẻ của ông D, mẹ chồng của Bà PC. Bà biết ông D, Bà PC vay tiền tại Ngân hàng và có bảo đảm bằng hình thức thế chấp tài sản là đất, tài sản trên đất. Tài sản trên đất có ngôi nhà ở của vợ chồng ông D và Bà PC xây dựng năm 2009. Vợ chồng ông D với bà thoả thuận với nhau bằng lời nói và bà góp một phần kinh phí, đồng ý làm nhà trên một phần thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà để sử dụng. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp là nhà thì đề nghị xử lý phần nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của ông D, Bà PC. Bà không có yêu cầu độc lập.

Theo Anh Cao Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh T là con đẻ của ông D, Bà PC, hiện cư trú tại ngôi nhà có cùng địa chỉ. Anh biết bố mẹ vay tiền Ngân hàng, thế chấp đất và tài sản trên đất. Anh không có ý kiến gì về việc xử lý tài sản thế chấp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15-8-2017 như sau: Thửa đất số 28 tờ bản đồ số 8 diện tích 70,7 m^2, địa chỉ tại 97 N, phường X, thành phố H đã được Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 828378 ngày 19-4-2007 mang tên Cao Văn D, Nguyễn Thị PC; trên thửa đất số 28 có ngôi nhà cấp 4 (02 tầng), diện tích xây dựng 41 m^2, diện tích sàn 82 m^2, xây dựng năm 2009, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 290, 343, 355, 401, 405, 471, 715, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 10, 12, 56 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 19 Điều 1 Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17-10-2016 được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Nguyễn Thị PC và Ông Cao Văn D phải thanh toán số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 4001.LAV.2014.00959/HĐTD ngày 20-10-2014 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 1.500.147.917 đồng (Một tỷ năm trăm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), nợ lãi 337.593.056 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 62.554.861 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 4001.LAV.2014.00959/HĐTD ngày 20-10-2014 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ Số 97 N, phường X, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 828378 do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 19-4-2007 cho Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D và phần giá trị tăng lên do đầu tư, nâng cấp tài sản được hình thành trước hoặc sau khi thế chấp để thu hồi nợ (Có bản vẽ kèm theo). Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì bên vay có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu. Buộc Bà Nguyễn Thị PC hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2018, Bà Nguyễn Thị PC có Đơn kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hvới nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật do có vi phạm tố tụng, nhận định không khách quan, không xem xét nhiều chứng cứ quan trong trong xét xử vụ án. Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2018, Bà Nguyễn Thị PC thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét, giải quyết các vấn đề sau: Đề nghị xem xét số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, do Ngân hàng yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ nên Ngân hàng phải chịu toàn bộ; Về khoản tiền án phí, bà đề nghị Ngân hàng hỗ trợ cho vợ chồng bà một phần án phí sơ thẩm; Đề nghị Ngân hàng xem xét giảm số tiền lãi cho vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

[2] - Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hợp đồng tín dụng theo bản án sơ thẩm đã ghi: " Hợp đồng tín dụng số 4001.LAV.2014.00959/HĐTD ngày 20-10-2014 ... ". Tại phiên tòa các đương sự đều khai việc ghi như vậy là không đúng cần sửa lại như sau: " Hợp đồng tín dụng số 4010.LAV.2014.00959/HĐTD ngày 20-10-2014 ..." mới chính xác

Xét kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị PC về việc xin Ngân hàng giảm khoản tiền lãi thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà PC và ông D đều thừa nhận số tiền gốc và nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả lãi.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bên vay còn nợ số tiền gốc và tiền lãi như trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý với đề nghị xin giảm lãi của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét không có cơ

sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ Số 97 N, phường X, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 828378 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 19-4-2007 cho Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá là 2.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét nguyên đơn được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và phải hoàn trả cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ của bị đơn.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Ngân hàng hỗ trợ một phần về số tiền án phí sơ thẩm: Xét việc bị đơn kháng cáo đề nghị Ngân hàng hỗ trợ một phần số tiền án phí sơ thẩm nhưng tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng không đồng ý với đề nghị của Bà PC. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần án phí sơ thẩm.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm chỉ buộc Bà PC phải nộp án phí kinh doanh thương mại và chịu chi phí xem xét thẩm định là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần sửa án sơ thẩm buộc Ông Cao Văn D và Bà Nguyễn Thị PC phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mới đúng pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị PC không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị PC, sửa bản án sơ thẩm; Xử

1. Buộc Bà Nguyễn Thị PC và Ông Cao Văn D phải thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 1.500.147.917 đồng (Một tỷ năm trăm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), nợ lãi 337.593.056 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm

62.554.861 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ Số 97 N, phường X, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 828378 do Uỷ ban nhân dân thành phố Hcấp ngày 19-4-2007 cho Bà Nguyễn Thị PC, Ông Cao Văn D và phần giá trị tăng lên do đầu tư, nâng cấp tài sản được hình thành trước hoặc sau khi thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì bên vay có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Bà Nguyễn Thị PC và Ông Cao Văn D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.004.437 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm không chục bốn nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc Bà Nguyễn Thị PC và Ông Cao Văn D phải hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị PC không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn lại số tiền 300.000 đồng cho Bà PC đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 004492 ngày 08/01/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP, TKT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Hưng Bính